ĐIỂM KHẢO SÁT LỚP 9 LÊN 10 LẦN I

TT	HỌ VÀ TÊN		TRƯỜNG	SĐT	SBD	PHÒNG THI	TOÁN	VĂN	ANH
01	Lê Hoàng Nhã	An	Võ Văn Kiệt	***163	100001	B3.1	3	5.5	4
02	Trương Thị Mai	An	Trương Thế Vinh	***727	100002	B3.1	5.5	8	7.5
03	Nguyễn Bảo Thiên	An	Chu Văn An	***878	100003	B3.1	5	6.25	5.5
04	Phan Nguyễn Hoàng	An	Nguyễn Tất Thành	***374	100004	B3.1	4.75	6.25	4
05	Nguyễn Thị Thu	An	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***616	100005	B3.1	2	4.5	3
06	Phạm Hoàng	An		***995	100006	B3.1	5.25	7.5	5.5
07	Phạm Hà	An	Nguyễn Du	***884	100007	B3.1	2	8	4
08	Lê Hoài	An	Trần Phú	***119	100008	B3.1	6.5	7	5
09	Lê Nguyễn Thành	An	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***065	100009	B3.1	1.5	7.25	3
10	Đào Hòa	An		***	100010	B3.1	8	8.25	8.5
11	Lê Thị Trâm	Anh	Nguyễn Du	***098	100011	B3.1	2.5	3.25	3.5
12	Phạm Bình Phương	Anh	Đăk Buk So	***939	100012	B3.1	6	6	9
13	Nguyễn Hà Phương	Anh	Lương Thế Vinh	***112	100013	B3.1	3	9	5
14	Trần Đức	Anh	Trần Phú	***347	100014	B3.1	4	6	2.5
15	Nguyễn Hoàng Minh	Anh	Nguyễn Tất Thành	***398	100015	B3.1	5.5	5.75	5.5
16	Phạm Quỳnh	Anh	Nguyễn Tất Thành	***727	100016	B3.1	6	5	6
17	Lê Đức	Anh	Nguyễn Công Trứ	***866	100017	B3.1	6	2	4
18	Nguyễn Ngọc Bảo	Anh	Đăk Buk So	***048	100018	B3.1	5	6.75	5
19	Phạm Hải	Anh	Lương Thế Vinh	***313	100019	B3.1	6	7.5	7
20	Phạm Mai	Anh	Nguyễn Du	***347	100020	B3.1	2.5	5.75	2
21	Phạm Tuấn	Anh		***684	100021	B3.2	5.5	4.75	5
22	Vũ Phương	Anh	Nguyễn Tất Thành	***041	100022	B3.2	4.5	4.25	4
23	Nguyễn Thị Vân	Anh	Lê Quý Đôn	***704	100023	B3.2	6.5	5.5	8.5
24	Bế Nguyễn Quỳnh	Anh	Hai Bà Trưng	***340	100024	B3.2	5	4.25	5.5
25	Phạm Ngọc Kim	Anh	Phan Chu Trinh	***449	100025	B3.2	3.5	4	3
26	Phạm Trần Mai	Anh	Nguyễn Tất Thành	***109	100026	B3.2	3.75	4.25	6
27	Trịnh Thu	Anh		***319	100027	B3.2	4.25	6.75	5
28	Nguyễn Ngọc Mai	Anh	Lê Quý Đôn	***909	100028	B3.2	4.5	5	8.5
29	Phạm Thị Hải	Anh	Trần Phú	***212	100029	B3.2	4.5	5.5	4
30	Phạm Nguyễn Quỳnh	Anh	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***586	100030	B3.2	9	8	5.5
31	Nguyễn Hương	Anh	Nguyễn Du	***866	100031	B3.2	3.5	2.25	7.5
32	Hoàng Lân	Anh	Nguyễn Tất Thành	***829	100032	B3.2	4.25	3.75	4
33	Đặng Đức	Anh		***379	100033	B3.2	2	3.75	2
34	Nguyễn Trần Mai	Anh		***936	100034	B3.2	v	v	0
35	Nhâm Hồng	Anh		***828	100035	B3.2	8	6	7
36	Nguyễn Thị Kim	Anh	Lý Thường Kiệt	***639	100036	B3.2	8.25	5	7
37	Phạm Lương Phương	Anh	Trần Quốc Toản	***539	100037	B3.2	v	v	0
38	Phạm Thị Quỳnh	Anh	Nguyễn Tất Thành	***221	100038	B3.2	5	5.5	5
39	Trần Nhân Việt	Anh	Nguyễn Du	***245	100039	B3.2	5.25	3	4
40	Phạm Thị Quỳnh	Anh	Quang Trung	***026	100040	B3.2	3.5	3.25	6
41	Nguyễn Ngọc Kiều	Anh	Nguyễn Tất Thành	***203	100041	B3.3	4.5	5.5	3.5
42	Nguyễn Đức	Anh		***	100042	B3.3	7.75	6.5	5
43	TRần Ngọc	Ánh	Quang Trung	***470	100043	B3.3	8	7.5	2
44	Nguyễn Hoàng Ngọc	Ánh	Lương Thế Vinh	***139	100044	B3.3	6	8	7
45	Hoàng Minh	Ánh	Nguyễn Tất Thành	***468	100045	B3.3	8	9.25	9.5
46	Đào Quang	Bắc	Chu Văn An	***	100046	B3.3	6.25	7	3.5

ĐIỂM KHẢO SÁT LỚP 9 LÊN 10 LẦN I

TT	HỌ VÀ TÊN		TRƯỜNG	SĐT	SBD	PHÒNG THI	TOÁN	VĂN	ANH
47	Ngô Minh Gia	Bảo		***	100047	B3.3	7	7.75	7.5
48	Nguyễn Thế	Bảo		***	100048	B3.3	9	7.75	8.5
49	NguyỄN Hữu Gia	Bảo	Đăk Buk So	***777	100049	B3.3	7	6	4.5
50	Hoàng Thanh	Bảo	Nguyễn Văn Trỗi	***604	100050	B3.3	6.5	5	4.5
51	Phạm Trần Gia	Bảo	Nguyễn Văn Trỗi	***152	100051	B3.3	8	7.25	4.5
52	Thái Quốc	Bảo	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***777	100052	B3.3	3	1	3
53	Võ Gia	Bảo	Nguyễn Tất Thành	***048	100053	B3.3	7	8.25	6
54	Lê Huy	Bảo	Trần Phú	***039	100054	B3.3	v	v	0
55	Trần Công	Bình	Trần Phú	***300	100055	B3.3	9	7	6
56	Trần Thị Nhã	Bình	Trần Phú	***727	100056	B3.3	9	8	6
57	Lê Thị Thùy	Chăm	Lê Quý Đôn	***803	100057	B3.3	v	v	0
58	Nguyễn Thùy Minh	Châu	Phạm Văn Đồng	***246	100058	B3.3	v	v	0
59	Chu Hà	Châu		***747	100059	B3.3	5	6.5	5
60	Bùi Thị	Chi	Đăk Buk So	***229	100060	B3.3	6	7.25	3.5
61	Nguyễn Quỳnh	Chi	Nguyễn Tất Thành	***989	100061	B3.4	7	6	6
62	Đặng Mai	Chi	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***179	100062	B3.4	v	v	0
63	Phạm Thị	Chi	Nguyễn Tất Thành	***838	100063	B3.4	v	v	0
64	Bùi Ngọc	Chiến		***	100064	B3.4	6.5	4.5	4
65	Nguyễn Thành	Công	Lương Thế Vinh	***879	100065	B3.4	6.5	3	8
66	Nguyễn Mạnh	Cương	Lương Thế Vinh	***	100066	B3.4	8.25	4	6
67	Trần Nguyễn Việt	Cường	Nguyễn Trãi	***677	100067	B3.4	9	5.5	6
68	Đinh Quốc	Cường		***778	100068	B3.4	2.5	3.5	4.5
69	Nguyễn Thành	Danh	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***575	100069	B3.4	8.25	6	4.5
70	Nguyễn Thành	Đạt	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***403	100070	B3.4	6.25	2.5	5
71	Trương Thái	Đạt	Nguyễn Tất Thành	***711	100071	B3.4	5.75	2.5	4
72	Bùi Đức	Đạt		***001	100072	B3.4	5.75	1.5	4.5
73	Nguyễn Hoàng Phát	Đạt	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***244	100073	B3.4	2.5	4	3.5
74	Nguyễn Tấn	Đạt	Nguyễn Tất Thành	***759	100074	B3.4	3.75	3.5	6
75	Phạm Nguyễn Kiều	Diễm	Nguyễn Du	***189	100075	B3.4	4.25	2	7
76	Nguyễn Phương	Diễm	Lê Quý Đôn	***098	100076	B3.4	0.5	4.5	6
77	Huỳnh Phúc	Điền	Hai Bà Trưng	***347	100077	B3.4	4.5	6	4
78	Trần Nữ Ngọc	Diệp	Phan Chu Trinh	***577	100078	B3.4	6.25	7.5	6.5
79	Lê Huỳnh Trung	Đức	Nguyễn Tất Thành	***778	100079	B3.4	8	2.5	8
80	Phạm Thanh	Đức	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***698	100080	B3.4	v	v	0
81	Hà Sâm	Đức	Trần Phú	***344	100081	B3.5	v	v	0
82	Nguyễn Ngọc Thùy	Dung	Phạm Văn Đồng	***357	100082	B3.5	v	v	0
83	Lê Hoồ Thùy	Dung	Trần Phú	***287	100083	B3.5	4.5	4.5	4
84	Lê Thị Thùy	Dung	Nguyễn Chí Thanh	***177	100084	B3.5	v	v	0
85	Nguyễn Trí	Dũng	Nguyễn Du	***016	100085	B3.5	9	4	6
86	Nguyễn Lưu Trung	Dũng	Nguyễn Du	***248	100086	B3.5	7.25	5.75	6
87	Trần Lê	Dũng	Lương Thế Vinh	***981	100087	B3.5	8.25	6.25	6
88	Bùi Minh	Dũng	Lý Thường Kiệt	***162	100088	B3.5	9	4.25	5
89	Nguyễn Văn	Dũng		***030	100089	B3.5	6.5	6.25	7.5
90	Vũ DĐình	Dũng	Trần Phú	***548	100090	B3.5	v	v	5.5
91	Bạch Ngọc	Dương	Bu Răng	***839	100091	B3.5	7.75	7.5	4
92	Bùi Thị Thùy	Dương	Nguyễn Công Trứ	***919	100092	B3.5	7	6.75	5.5

ĐIỂM KHẢO SÁT LỚP 9 LÊN 10 LẦN I

TT	HỌ VÀ TÊN		TRƯỜNG	SĐT	SBD	PHÒNG THI	TOÁN	VĂN	ANH
93	Phùng Vũ Thùy	Dương	Hoàng Văn Thụ	***409	100093	B3.5	v	v	0
94	Nguyễn Trần hải	Dương		***037	100094	B3.5	0.25	2.5	4.5
95	Trần Thái	Dương	Đông Du	***548	100095	B3.5	7.5	7.25	7.5
96	Nguyễn Vũ	Duy	Trần Hưng Đạo	***212	100096	B3.5	v	v	0
97	Trần Khánh	Duy	Nguyễn Chí Thanh	***688	100097	B3.5	2.75	3.25	2.5
98	Lê Vũ	Duy	Nguyễn Du	***120	100098	B3.5	7.25	6.75	4
99	Khương	Duy		***554	100099	B3.5	v	v	0
100	Trịnh Thùy	Duyên	Trần Hưng Đạo	***640	100100	B3.5	5.75	5	2.5
101	Trần Thị Mỹ	Duyên	Nguyễn Du	***311	100101	B2.2	3.5	5	4
102	Nguyễn Thị Hồng	Duyên		***082	100102	B2.2	4.75	2.75	8
103	Trần Thị Ánh	Duyên		***711	100103	B2.2	0	3.25	3
104	Phạm Thùy	Duyên		***798	100104	B2.2	5	5	3.5
105	Lâm Yến	Duyên		***278	100105	B2.2	v	v	0
106	Nguyễn Mạnh Hà	Giang	Đăk Buk So	***767	100106	B2.2	6.75	4.5	4.5
107	Nguyễn Thị Trà	Giang	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***616	100107	B2.2	2	6.5	2.5
108	Phạm Hải	Hà	Nguyễn Du	***359	100108	B2.2	7	7	9
109	Trần Thị Ngọc	Hà	Nguyễn Du	***818	100109	B2.2	0.5	6.25	6
110	Nguyễn Ngọc	Hà	Lý Tự Trọng	***749	100110	B2.2	v	v	0
111	Cao Hoàng	Hà	Nguyễn Du	***569	100111	B2.2	4	5.25	5
112	Võ Nguyễn Ngọc	Hà	Nguyễn Du	***995	100112	B2.2	7.5	6.5	6.5
113	Nguyễn Thị Thu	Hà	Trần Phú	***946	100113	B2.2	5.5	6.25	5
114	Hồ Ngọc	Hà	Nguyễn Tất Thành	***749	100114	B2.2	5.25	6.25	3.5
115	Bùi Ngân	Hà	Trần Phú	***067	100115	B2.2	7.25	8	4.5
116	Vũ Việt	Hà	Nguyễn Du	***359	100116	B2.2	9	5.25	6
117	Nguyễn Khánh	Hà		***026	100117	B2.2	5.75	3.75	5.5
118	Lê Ngọc Khánh	Hà	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***099	100118	B2.2	v	v	0
119	Lưu Hoàng	Hải	Nguyễn Tất Thành	***299	100119	B2.2	7.25	4	5
120	Nguyễn Trí	Hải	Trần Phú	***968	100120	B2.2	8	5	5
121	Nguyễn Hoàng	Hải		***014	100121	B2.3	5	5.75	6
122	Nguyễn Thành Minh	Hải	Nguyễn Du	***979	100122	B2.3	6.5	5.25	7
123	Lê Minh Gia	Hân	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***206	100123	B2.3	6	7	5
124	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Trần Phú	***929	100124	B2.3	1	v	3
125	Đỗ Khả	Hân		***	100125	B2.3	5.5	8.5	6.5
126	Phạm Đào Gia	Hân		***439	100126	B2.3	5.25	5	4.5
127	Đặng Gia	Hân	Phan Đình Giót	***367	100127	B2.3	2.5	6	4
128	Lê Thị Mỹ	Hằng	Nguyễn Tất Thành	***848	100128	B2.3	4.5	7	7
129	Trần Diễm	Hằng	Trần Phú	***170	100129	B2.3	6	5.75	9
130	Vũ Thị Thu	Hằng	Nguyễn Du	***712	100130	B2.3	6.5	6.75	5
131	Đặng Đức	Hậu	Trần Phú	***827	100131	B2.3	5.5	1.25	3.5
132	Vũ Thúy	Hiền	Nguyễn Công Trứ	***960	100132	B2.3	8.25	7.5	8
133	Dương Thảo	Hiền	Nguyễn Du	***133	100133	B2.3	5	7.5	5.5
134	Dương Thanh	Hiền	Nguyễn Văn Trỗi	***404	100134	B2.3	4	5.25	5
135	Trần Thị Thu	Hiền	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***654	100135	B2.3	4.25	6.75	3
136	Lê Thị Thu	Hiền	Trần Phú	***703	100136	B2.3	6.5	5.75	6
137	Hồ Trung	Hiếu		***718	100137	B2.3	5.75	4.75	6.5
138	Lê Mạnh	Hiếu	Đăk Buk So	***	100138	B2.3	5.5	7.5	9.5

ĐIỂM KHẢO SÁT LỚP 9 LÊN 10 LẦN I

TT	HỌ VÀ TÊN		TRƯỜNG	SĐT	SBD	PHÒNG THI	TOÁN	VĂN	ANH
139	Đỗ Trung	Hiếu		***111	100139	B2.3	7.25	2.5	5
140	Phạm Hoàng	Hiếu		***147	100140	B2.3	1.5	1	4.5
141	Võ Đức	Hiếu		***968	100141	B2.4	8	5	5
142	Lê Mạnh	Hiếu		***	100142	B2.4	v	v	0
143	Lê Vũ Phương	Hoa	Đăk Buk So	***184	100143	B2.4	5	2.75	5
144	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	Nguyễn Du	***281	100144	B2.4	7.75	5	4
145	Làu Ngọc Quỳnh	Hoa	Phan Bội Châu	***249	100145	B2.4	3	5	3
146	DĐồng Thị	Hoa		***577	100146	B2.4	3.5	1	2
147	Lê Thị Mai	Hoa	Quang Trung	***848	100147	B2.4	2.5	4.5	3.5
148	Cao Đình	Hòa	Nguyễn Du	***584	100148	B2.4	6	6	5
149	Nguyễn Minh	Hòa		***	100149	B2.4	v	v	0
150	Vũ Việt	Hoàng		***684	100150	B2.4	2	2.25	5
151	Trần Huy	Hoàng	Lê Quý Đôn	***980	100151	B2.4	1.5	3.25	6.5
152	Hán Huy	Hoàng	Phan Chu Trinh	***012	100152	B2.4	4	2.75	3
153	Tống Khải	Hoàng	Nguyễn Du	***897	100153	B2.4	6.5	3	5.5
154	Đỗ Văn Bảo	Hoàng		***	100154	B2.4	v	v	0
155	Phạm Huy	Hoàng	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***093	100155	B2.4	v	v	0
156	Lê Việt	Hoàng	Trần Phú	***776	100156	B2.4	3	2.75	5
157	Đoàn Thu	Hồng	Trần Phú	***998	100157	B2.4	6.5	6.5	4.5
158	Nguyễn Thị Kim	Huệ		***516	100158	B2.4	2	v	4
159	Phan Thế	Hùng	Nguyễn Tất Thành	***234	100159	B2.4	2	6.5	3
160	Nguyễn Văn	Hùng	Hoàng Văn Thụ	***487	100160	B2.4	3.5	2.75	3
161	Giang Đặng Duy	Hưng	Phan Bội Châu	***242	100161	B2.5	7.25	6.5	7
162	Nguyễn Đình	Hưng	Lê Quý Đôn	***684	100162	B2.5	6.5	4.5	7
163	Đàm Vĩnh	Hưng	Nguyễn Văn Trỗi	***321	100163	B2.5	6.5	6	6
164	Kiều Tuấn	Hưng		***478	100164	B2.5	3.5	6.75	4.5
165	Vũ Thị Mỹ	Hương	Lương Thế Vinh	***059	100165	B2.5	6.75	5.75	3
166	Đỗ Ngọc Quỳnh	Hương	Trần Phú	***098	100166	B2.5	v	3.75	0
167	Đặng Việt	Hương	Nguyễn Công Trứ	***829	100167	B2.5	3.5	5.75	2.5
168	Ngô Thị Kim	Hương	Nguyễn Du	***579	100168	B2.5	v	v	0
169	Phạm Thu	Hương	Nguyễn Công Trứ	***099	100169	B2.5	8	6.25	4.5
170	Lê Quang	Huy	Nguyễn Du	***848	100170	B2.5	3.5	4.5	5
171	Nguyễn Sỹ	Huy	Nguyễn Tất Thành	***097	100171	B2.5	1.5	3	4.5
172	Nguyễn Như Gia	Huy	Nguyễn Tất Thành	***397	100172	B2.5	8	5.5	5
173	Đinh Trọng	Huy	Nguyễn Tất Thành	***617	100173	B2.5	7	6	8
174	Ngô Gia	Huy	Nguyễn Công Trứ	***375	100174	B2.5	7.25	4.5	6
175	Đinh Nhật	Huy	Nguyễn Tất Thành	***378	100175	B2.5	5	5.75	6.5
176	Ngô Quang	Huy	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***903	100176	B2.5	1.5	0.75	4.5
177	Phạm Quốc	Huy	Trần Phú	***	100177	B2.5	5	7.75	8
178	Nguyễn Tiến	Huy	Chu Văn An	***	100178	B2.5	7	5.5	5
179	Trần Quốc	Huy	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***708	100179	B2.5	8	5.75	5.5
180	Phan Nguyễn Gia	Huy		***885	100180	B2.5	9	4.75	6
181	Vũ Đức	Huy		***909	100181	D3.1	8.25	4.75	7
182	Phạm Xuân	Huy	Lê Quý Đôn	***065	100182	D3.1	3	5	7.5
183	Lương Hữu	Huy	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***707	100183	D3.1	v	v	0
184	Trần Kiều	Huyền	Hai Bà Trưng	***389	100184	D3.1	3.75	4	3.5

ĐIỂM KHẢO SÁT LỚP 9 LÊN 10 LẦN I

TT	HỌ VÀ TÊN		TRƯỜNG	SĐT	SBD	PHÒNG THI	TOÁN	VĂN	ANH
185	Trần Khánh	Huyền	Nguyễn Du	***457	100185	D3.1	5.5	5	6
186	Nguyễn Khánh	Huyền		***237	100186	D3.1	3.5	3.75	5
187	Nguyễn Ngọc Phương	Huyền		***012	100187	D3.1	4.75	v	0
188	Bùi Ngọc	Huyền		***968	100188	D3.1	4.75	7.5	7
189	Nguyễn Văn	Huynh	Nguyễn Tất Thành	***809	100189	D3.1	4.5	4	5.5
190	H Nari	Hwing		***708	100190	D3.1	5.25	4	8
191	Lê Văn	Khải	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***	100191	D3.1	8.25	4.75	3.5
192	Bùi Duy	Khang	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***684	100192	D3.1	7.75	v	5
193	Tăng Đăng Quốc	Khánh	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***567	100193	D3.1	5.25	4.75	9
194	Võ Nguyễn Đăng	Khoa		***	100194	D3.1	4.75	5.25	4
195	Đặng Văn Duy	Khoa	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***568	100195	D3.1	3	2	3.5
196	Trần Đình Ngọc	Khoa	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***028	100196	D3.1	v	v	0
197	Nguyễn Đức	Khương	Lý Thường Kiệt	***	100197	D3.1	1.75	2	4
198	Võ Hoàng	Khuyên	Nguyễn Tất Thành	***639	100198	D3.1	v	v	9
199	Nguyễn Hữu Minh	Kiệt	Lý Tự Trọng	***302	100199	D3.1	5.5	2.25	5
200	Nguyễn Tuấn	Kiệt		***189	100200	D3.1	6.25	2	5
201	Lưu Vũ Sông	Lam	Nguyễn Tất Thành	***122	100201	D3.2	2	7.75	7
202	Nguyễn Hưng	Lâm	Trần Phú	***748	100202	D3.2	3	4.25	3
203	Nguyễn Thị Trúc	Lan		***199	100203	D3.2	3	4.5	5
204	Lương Nguyễn Ngọc	Lan	Nguyễn Văn Trỗi	***642	100204	D3.2	v	v	0
205	Vũ Nguyễn Đan	Lê	Trần Phú	***285	100205	D3.2	0.5	4.75	4.5
206	Trần Ngọc	Linh	Nguyễn Chí Thanh	***269	100206	D3.2	0	0.5	4.5
207	Đàm Ngọc	Linh	Nguyễn Du	***399	100207	D3.2	5.25	6.25	4
208	Lương Thị Khánh	Linh	Trần Phú	***324	100208	D3.2	4	6.25	5
209	Lê Thị Mỹ	Linh	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***040	100209	D3.2	3	6.5	5
210	Trần Thùy	Linh	Trần Phú	***535	100210	D3.2	5.75	8	9
211	Mai Thảo	Linh	Trần Phú	***656	100211	D3.2	v	v	0
212	Nguyễn Hoàng Thùy	Linh	Lý Tự Trọng	***634	100212	D3.2	v	v	0
213	Phạm Khánh	Linh	Chu Văn An	***140	100213	D3.2	8	7.75	5
214	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Trần Phú	***075	100214	D3.2	1.5	5.25	0
215	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	Nguyễn Văn Linh	***492	100215	D3.2	v	v	0
216	Trần Thị Hà	Linh	Trần Phú	***368	100216	D3.2	4.25	3	3
217	Vũ Diệu	Linh	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***043	100217	D3.2	3	4.75	3
218	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***296	100218	D3.2	5.75	8.25	9.5
219	Mai Lê Khánh	Linh		***259	100219	D3.2	9	6.75	9.5
220	Trần Thị Phương	Linh		***009	100220	D3.2	2	5.25	6
221	Hoàng Khánh	Linh		***791	100221	D3.3	0.25	2.25	3
222	Nguyễn Ngọc Gia	Linh	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***576	100222	D3.3	v	v	0
223	Nguyễn Phương	Linh	Trần Phú	***090	100223	D3.3	5.75	v	4.5
224	Lê Quang	Lộc	Bu Răng	***668	100224	D3.3	0.5	3	4.5
225	Tạ Tấn	Lộc	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***620	100225	D3.3	2.5	4	4.5
226	Nguyễn Thành	Lộc		***509	100226	D3.3	v	v	0
227	Đào Trọng Huy	Lương	Trần Phú	***606	100227	D3.3	6.75	4.25	6.5
228	Nguyễn Quỳnh Trúc	Ly	Chu Văn An	***990	100228	D3.3	6	2.75	4.5
229	Nguyễn Khánh	Ly	Nguyễn Tất Thành	***097	100229	D3.3	3.25	4	4
230	Trần Thị Cẩm	Ly	Nguyễn Văn Trỗi	***149	100230	D3.3	6	5.25	9

ĐIỂM KHẢO SÁT LỚP 9 LÊN 10 LẦN I

TT	HỌ VÀ TÊN		TRƯỜNG	SĐT	SBD	PHÒNG THI	TOÁN	VĂN	ANH
231	Dđào Thị Trúc	Mai	Lê Quý Đôn	***032	100231	D3.3	3.5	5	8
232	Nguyễn Thị Phương	Mai	Trần Phú	***581	100232	D3.3	6	6	9
233	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Mai	Nguyễn Chí Thanh	***074	100233	D3.3	5.5	7.5	5.5
234	Đỗ Ngọc Phương	Mai	Nguyễn Tất Thành	***036	100234	D3.3	3.5	4.25	3.5
235	Nguyễn Đình Đức	Mạnh	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***588	100235	D3.3	7.5	4.75	6.5
236	Nguyễn Đức	Mạnh	Hoàng Văn Thụ	***891	100236	D3.3	7	4.25	7.5
237	Thân Hữu Đức	Mạnh	Nguyễn Tất Thành	***271	100237	D3.3	8	5	4
238	Phan Duy	Mạnh	Nguyễn Du	***276	100238	D3.3	v	v	0
239	Ngô Phạm Duy	Minh	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***283	100239	D3.3	v	v	0
240	Nguyễn Đăng Nhật	Minh	Nguyễn Du	***309	100240	D3.3	7.25	2.75	4
241	Nguyễn Đào Tấn	Minh	Nguyễn Tất Thành	***712	100241	D3.4	6.75	6.5	5
242	Nguyễn Quang	Minh	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***259	100242	D3.4	3.75	6.5	3.5
243	Nguyễn Lê Anh	Minh	Trần Phú	***993	100243	D3.4	2	4.5	2.5
244	Đỗ Thị Trà	My	Chu Văn An	***784	100244	D3.4	3.5	7.25	3
245	Phạm Trần Yến	My	Nguyễn Tất Thành	***458	100245	D3.4	4.75	7.5	4.5
246	Nguyễn thị Hà	My	Trần Phú	***595	100246	D3.4	6.5	8.5	3
247	Nguyễn Huỳnh	My	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***848	100247	D3.4	5.75	5.25	3.5
248	Nguyễn Trần Hoàng	My	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***333	100248	D3.4	5.75	6.25	5
249	Nguyễn Trần Hà	My	Nguyễn Công Trứ	***323	100249	D3.4	3.25	6.5	4.5
250	Lê Thị Thảo	My		***560	100250	D3.4	5.25	6.5	4.5
251	Lê Ngọc	My	Nguyễn Du	***813	100251	D3.4	v	v	0
252	TRần Trà	My	Trần Phú	***443	100252	D3.4	3.5	8	5.5
253	Thảo	My		***	100253	D3.4	0	0	2.5
254	Hoàng Thanh	Nam	Nguyễn Văn Trỗi	***484	100254	D3.4	7.75	3.5	5
255	Phạm Nguyên Bảo	Nam		***	100255	D3.4	5.25	6.5	5
256	Lê	Nam	Lê Quý Đôn	***687	100256	D3.4	0.5	7.25	6
257	Nguyễn Văn Đại	Nam		***336	100257	D3.4	6.25	6	3
258	Trần Thị Thúy	Ngân		***	100258	D3.4	9	6	8
259	Trà Bảo	Ngân	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***557	100259	D3.4	7.5	5.75	9
260	Nguyễn Kim	Ngân		***782	100260	D3.4	6	6	3
261	Nguyễn Thúy	Ngân	Nguyễn Tất Thành	***332	100261	D3.5	7	2.25	5.5
262	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	Nguyễn Du	***828	100262	D3.5	3	6.25	7
263	Lê Ngọc Minh	Nghĩa		***525	100263	D3.5	1.5	2.25	3
264	Nguyễn Tuyết	Ngọc	Nguyễn Du	***697	100264	D3.5	6.5	5.25	4.5
265	Cao Thị Bích	Ngọc	Phan Đình Giót	***647	100265	D3.5	4	5.25	4
266	Nguyễn Tố Bảo	Ngọc	Nguyễn Tất Thành	***731	100266	D3.5	5	4.5	5.5
267	Trần Đỗ Minh	Ngọc		***	100267	D3.5	3.5	1.5	3.5
268	Ngô Minh	Ngọc		***	100268	D3.5	6	6	7
269	Đặng Hà Như	Ngọc	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***958	100269	D3.5	1.5	3.25	4
270	Nguyễn Phạm Bảo	Ngọc		***594	100270	D3.5	3.75	4.75	4
271	Mã Huỳnh Bảo	Ngọc		***749	100271	D3.5	7.25	5.75	6
272	Lê Thị Bảo	Ngọc		***968	100272	D3.5	v	v	0
273	Lê Bảo	Ngọc	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***190	100273	D3.5	5.75	5.75	5
274	Nguyễn Đình Bửu	Ngọc	Trần Hưng Đạo	***409	100274	D3.5	v	v	0
275	Mai Thị Bảo	Ngọc	Nguyễn Du	***411	100275	D3.5	4	4.75	2.5
276	Lê Thị	Ngs		***006	100276	D3.5	8	6.5	4.5

ĐIỂM KHẢO SÁT LỚP 9 LÊN 10 LẦN I

TT	HỌ VÀ TÊN		TRƯỜNG	SĐT	SBD	PHÒNG THI	TOÁN	VĂN	ANH
277	TRần Thị Hạnh	Nguyên	Bu Răng	***017	100277	D3.5	v	v	0
278	Nguyễn Ngọc	Nguyên	Lương Thế Vinh	***117	100278	D3.5	5.5	5.25	5
279	Phan Nguyễn Phú	Nguyên	Nguyễn Văn Trỗi	***857	100279	D3.5	8	5.75	8
280	Chu Ngọc Thảo	Nguyên		***955	100280	D3.5	6	5.75	6
281	Mai Nguyễn Bảo	Nguyên		***304	100281	D3.6	7.25	6.5	4.5
282	Đoàn Đặng Thảo	Nguyên	Trần Phú	***099	100282	D3.6	v	v	0
283	Phạm Minh	Nguyệt	Nguyễn Du	***541	100283	D3.6	4.25	6.5	2.5
284	Nguyễn Ngọc Minh	Nguyệt		***567	100284	D3.6	9	6	7
285	Tống Kiên Khánh	Nhã	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***588	100285	D3.6	v	v	0
286	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Trần Phú	***084	100286	D3.6	6.5	6.75	4
287	Lương Thành	Nhân	Nguyễn Công Trứ	***856	100287	D3.6	9	6.5	8
288	Phạm Thành	Nhân	Nguyễn Tất Thành	***738	100288	D3.6	2.25	5.75	4.5
289	Phạm Hữu	Nhật	Trần Phú	***868	100289	D3.6	v	v	4.5
290	Đồng Hữu Minh	Nhật		***711	100290	D3.6	5	5.5	8.5
291	Phạm Quỳnh	Nhi	Nâm Ndri	***214	100291	D3.6	7.25	6.5	6.5
292	Dương Nguyễn Yến	Nhi	Lê Quý Đôn	***009	100292	D3.6	6.25	6.75	9.5
293	Phan Trần Ngọc	Nhi	Trần Phú	***319	100293	D3.6	v	v	0
294	Trần Thị Tuyết	Nhi	Nguyễn Văn Trỗi	***871	100294	D3.6	5.25	7.5	8
295	Lại Hồ Ngọc	Nhi	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***734	100295	D3.6	v	v	0
296	Hà Thị Thảo	Nhi		***139	100296	D3.6	6	3.75	4.5
297	Đào Linh	Nhi		***515	100297	D3.6	4.75	8.5	8
298	Phạm Hiếu	Nhi	Chu Văn An	***535	100298	D3.6	7.25	6	3.5
299	Lại Nguyễn Hà	Nhi	Lê Quý Đôn	***176	100299	D3.6	5.5	4.25	7
300	Trương Thị Quỳnh	Nhi		***661	100300	D3.6	8	7	6.5
301	Nguyễn Yến	Nhi		***890	100301	D2.1	5.5	2.75	4
302	Hoàng Lê Khánh	Nhi		***871	100302	D2.1	5.25	5.5	4
303	Đậu Lê Yến	Nhi		***048	100303	D2.1	v	v	0
304	Nguyễn Lê Bảo	Nhi	Nguyễn Trãi	***223	100304	D2.1	6.75	4.75	7.5
305	Lê Trần Yến	Nhi	Hoàng Diệu	***395	100305	D2.1	v	v	0
306	Hnguyễn Huỳnh Gia	Như	Nguyễn Tất Thành	***547	100306	D2.1	3.5	4.75	5.5
307	Phan Thị Tố	Như	Lương Thế Vinh	***349	100307	D2.1	6.75	5	4
308	Trương Quỳnh	Như	Lương Thế Vinh	***648	100308	D2.1	4.25	6	4
309	Lê Quỳnh	Như	Ngô Quyền	***506	100309	D2.1	4	3.5	4.5
310	Lê Quỳnh	Như	Chu Văn An	***509	100310	D2.1	5.75	5.5	4.5
311	Huỳnh Thúc	Như		***347	100311	D2.1	8	3.75	2
312	TRần Thị Quỳnh	Như		***784	100312	D2.1	0	1.75	3
313	Trương Đinh Tuyết	Như		***400	100313	D2.1	5	5.75	5
314	Tô Quuỳnh	Như		***848	100314	D2.1	5.25	4.25	4
315	Nguyễn Hoàng Anh	Như	Lê Quý Đôn	***993	100315	D2.1	0	v	0
316	Lê Hồng	Nhung	Chu Văn An	***342	100316	D2.1	3.75	5.75	2
317	Nguyễn Phạm Tuyết	Nhung	Trần Phú	***988	100317	D2.1	4.5	5.75	4
318	Vũ Nguyễn Ngọc Linh	Nhung	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***779	100318	D2.1	9	v	6
319	Đoàn Ngọc	Ninh	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***532	100319	D2.1	7.25	8.25	6.5
320	Ngô Hoàng Như	Oanh	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***379	100320	D2.1	v	5.75	6
321	Trần Thị Kim	Oanh	Lê Quý Đôn	***042	100321	D2.2	3.5	5.25	4.5
322	Trần Thị Kiều	Oanh	Lê Quý Đôn	***257	100322	D2.2	3.5	8	3

ĐIỂM KHẢO SÁT LỚP 9 LÊN 10 LẦN I

TT	HỌ VÀ TÊN		TRƯỜNG	SĐT	SBD	PHÒNG THI	TOÁN	VĂN	ANH
323	Lương Thiện	Phát		***	100323	D2.2	6.25	0	5.5
324	Hoàng	Phong	Nguyễn Du	***848	100324	D2.2	3	6.25	4
325	Vũ Nguyên	Phong	Trần Phú	***272	100325	D2.2	4	4.25	5
326	Dương Thanh	Phong		***900	100326	D2.2	0.5	4	6
327	Trần An	Phú	Nguyễn Gia Thiều	***600	100327	D2.2	7.25	4	6
328	Khúc Phạm Gia	Phúc	Nguyễn Tất Thành	***883	100328	D2.2	8	7.5	8.5
329	Nguyễn Minh	Phúc	Nguyễn Tất Thành	***679	100329	D2.2	4	6.75	5
330	Phạm Lê	Phúc		***194	100330	D2.2	3.5	2.5	6
331	Trần Lê Hồng	Phúc		***	100331	D2.2	9	5	8
332	Nguyễn Vũ Hữu	Phước	Nguyễn Tất Thành	***004	100332	D2.2	8.75	7	9
333	Nguyễn Hữu	Phước	Nguyễn Tất Thành	***038	100333	D2.2	v	v	0
334	Nguyễn Hữu	Phước	Nguyễn Tất Thành	***036	100334	D2.2	5.75	5.5	4.5
335	Nguyễn Mai	Phương	Lý Tự Trọng	***	100335	D2.2	v	v	0
336	Bùi Lê Thúy	Phương	Trần Phú	***606	100336	D2.2	6.5	5.25	3
337	Vũ Thiên	Phương		***051	100337	D2.2	7	3.5	4.5
338	Lê Thu	Phương		***474	100338	D2.2	0.75	6.5	4.5
339	Đỗ Trung	Quân	Lý Tự Trọng	***733	100339	D2.2	v	v	0
340	Phan Đức Hoàng	Quân	Nguyễn Văn Trỗi	***697	100340	D2.2	5.25	5	6
341	Phạm Quốc	Quân	Lê Quý Đôn	***295	100341	D2.3	3.25	4.75	7
342	Vũ Nghiêm Hồng	Quân	Nguyễn Công Trứ	***581	100342	D2.3	9	5.75	7.5
343	Lê Mạnh	Quân	Nguyễn Tất Thành	***277	100343	D2.3	3.25	5.75	7
344	Đặng Mạnh	Quân		***582	100344	D2.3	5.5	2.5	6
345	Lê Mạnh	Quân	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***	100345	D2.3	7.75	4.25	4.5
346	Trần Minh	Quang	Đăk Buk So	***331	100346	D2.3	8.5	6	4.5
347	Lê Đặng Minh	Quang	Đăk Buk So	***237	100347	D2.3	6.75	7.5	6.5
348	Phan Thanh	Quốc	Nguyễn Tất Thành	***	100348	D2.3	7.5	6.25	5.5
349	Nguyễn Hữu Ngọc	Quý		***	100349	D2.3	3	3.5	3
350	Đặng Thị Tú	Quyên		***086	100350	D2.3	7.25	6	8
351	Đoàn Thị Như	Quỳnh	Trần Phú	***287	100351	D2.3	8	8.25	4
352	Trịnh Như	Quỳnh	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***456	100352	D2.3	8	6.25	7.5
353	Phạm Thị Diễm	Quỳnh		***029	100353	D2.3	v	v	0
354	Vũ Thúy	Quỳnh	Nguyễn Tất Thành	***640	100354	D2.3	0	7	3.5
355	Trần Thị Như	Quỳnh		***929	100355	D2.3	3	7	3
356	Nguyễn Võ Như	Quỳnh		***275	100356	D2.3	5.25	7.5	7
357	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nguyễn Tất Thành	***699	100357	D2.3	1.5	4.25	5.5
358	Lê Trọng	Sang	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***598	100358	D2.3	4.5	5.25	5
359	Ngô Mai	Sen	Lý Thường Kiệt	***223	100359	D2.3	8	5	7.5
360	Nguyễn Thái	Sơn	Hoàng Việt	***225	100360	D2.3	v	5.5	3.5
361	Phạm Hoàng	Sơn	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***080	100361	D2.4	5	5	8
362	Hoồ Hoàng	Sơn	Nguyễn Tất Thành	***377	100362	D2.4	v	v	0
363	Lê Sỹ	Tài	Nguyễn Công Trứ	***666	100363	D2.4	7	4.25	7
364	Lê Ngọc Tấn	Tài	Nguyễn Công Trứ	***	100364	D2.4	7	5.25	4.5
365	Nguyễn Thành	Tài	Chu Văn An	***917	100365	D2.4	5.25	3.25	4
366	Văn Tiến	Tài	Nguyễn Du	***779	100366	D2.4	8.75	3.75	7.5
367	Đoàn Thị Minh	Tâm	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***086	100367	D2.4	4.25	4.5	2.5
368	Hoàng Đình Nhật	Tân	Nguyễn Văn Trỗi	***064	100368	D2.4	5.25	3	5.5

ĐIỂM KHẢO SÁT LỚP 9 LÊN 10 LẦN I

TT	HỌ VÀ TÊN		TRƯỜNG	SĐT	SBD	PHÒNG THI	TOÁN	VĂN	ANH
369	Trần Quốc	Thái		***036	100369	D2.4	6.75	5.5	9
370	Mai Xuân	Thắng		***152	100370	D2.4	8	4.25	2.5
371	Vũ Chí	Thanh		***226	100371	D2.4	4	6	0
372	Tưởng Duy	Thanh	Nguyễn Tất Thành	***788	100372	D2.4	5.75	2.25	4
373	Trương Thị Mỹ	Thành	Nguyễn Tất Thành	***609	100373	D2.4	3.75	5	6
374	Nguyễn Cảnh	Thành		***809	100374	D2.4	7.5	3.25	5.5
375	Đỗ Phương	Thảo	Nguyễn Du	***584	100375	D2.4	8	2.5	7
376	Lê Ngọc Phương	Thảo	Phan Đình Giót	***848	100376	D2.4	4.5	5.75	5
377	Nguyễn Phương	Thảo	Nguyễn Tất Thành	***908	100377	D2.4	6.25	3.75	7
378	Trần Đào Thanh	Thảo	Trần Quốc Toản	***779	100378	D2.4	6.75	4.5	4
379	Vũ Thị Thanh	Thảo		***979	100379	D2.4	6.5	5.25	6
380	Hoàng Phương	Thảo		***146	100380	D2.4	5.25	5.25	3.5
381	Nguyễn Cao Trọng	Thi	Nguyễn Du	***707	100381	D2.5	4.25	5.5	7
382	Nguyễn Lê Bảo	Thi	Chu Văn An	***782	100382	D2.5	0.75	4	4
383	Hoàng Thanh	Thiên		***278	100383	D2.5	v	v	0
384	Đỗ Duy	Thịnh	Đăk Buk So	***548	100384	D2.5	7.5	3.5	7.5
385	Lê	Thu	Nguyễn Gia Kiều	***379	100385	D2.5	9	5.5	7
386	Phùng Minh	Thư	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***039	100386	D2.5	v	v	0
387	Trương Huỳnh Anh	Thư	Nguyễn Du	***647	100387	D2.5	3	3	4
388	Đậu Hoàng Anh	Thư	Nguyễn Du	***739	100388	D2.5	8	4.5	5
389	Linh Thị Anh	Thư	Trần Hưng Đạo	***592	100389	D2.5	v	v	0
390	Trần Thị Huyền	Thư	Lê Quý Đôn	***804	100390	D2.5	0.5	4.5	7.5
391	Hoàng Thị Anh	Thư	Nguyễn Văn Trỗi	***265	100391	D2.5	6.75	7.5	8.5
392	Nguyễn Ngọc Bảo	Thư	Nguyễn Văn Trỗi	***647	100392	D2.5	7	7	6
393	Đoàn Thị Minh	Thư	Trần Phú	***979	100393	D2.5	6.25	6.5	8.5
394	Nguyễn Kiều Anh	Thư	Lương Thế Vinh	***982	100394	D2.5	7.25	7.5	4
395	Nguyễn Thị Thiên	Thư	Lê Quý Đôn	***321	100395	D2.5	2	5.5	6.5
396	Nguyễn Nữ Hoàng Anh	Thư	Đăk Buk So	***848	100396	D2.5	6.25	v	8.5
397	Nguyễn Quỳnh Anh	Thư		***747	100397	D2.5	2	5.75	4
398	Hoàng Diệu Anh	Thư		***654	100398	D2.5	3	7	5
399	Hà Minh	Thư		***123	100399	D2.5	6.5	6	4
400	Lê Đoàn Anh	Thư		***487	100400	D2.5	4	5.75	3
401	Trương Ngọc Văn	Thư	Nguyễn Tất Thành	***020	100401	D2.6	v	v	0
402	Trần Văn	Thực	Nguyễn Chí Thanh	***134	100402	D2.6	v	v	0
403	Trần Văn	Thực		***	100403	D2.6	6.5	6	4
404	Nguyễn Ngọc Nhất	Thương	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***144	100404	D2.6	v	v	0
405	Phan Xuân	Thùy	Nguyễn Du	***340	100405	D2.6	3.75	4.75	5
406	Nguyễn Thị Diễm	Thùy		***368	100406	D2.6	4	4.75	2.5
407	Ngô Thị Thanh	Thùy		***	100407	D2.6	3.5	8.25	8
408	Lê Thị Thu	Thủy	Lê Quý Đôn	***337	100408	D2.6	3	6.75	3.5
409	Nguyễn Thu	Thủy	Nguyễn Tất Thành	***616	100409	D2.6	7.5	7.25	10
410	Nguyễn Bùi Đan	Thụy		***677	100410	D2.6	5.25	4.75	4
411	Nguyễn Trần Bảo	Thy	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***709	100411	D2.6	5.5	3	3
412	Trần Ngọc Mỹ	Tiên	Lý Tự Trọng	***258	100412	D2.6	1.75	5	6
413	Nguyễn Thủy	Tiên	Nguyễn Công Trứ	***057	100413	D2.6	7.75	7.5	6.5
414	Lê Nguyễn thủy	Tiên	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***136	100414	D2.6	3.5	7.75	3

ĐIỂM KHẢO SÁT LỚP 9 LÊN 10 LẦN I

TT	HỌ VÀ TÊN		TRƯỜNG	SĐT	SBD	PHÒNG THI	TOÁN	VĂN	ANH
415	Nguyễn Thị Bích	Tiên	Chu Văn An	***104	100415	D2.6	1.75	4.75	2
416	Nguyễn Thị Thảo	Tiên		***032	100416	D2.6	6.75	6.75	4
417	Đặng Thủy	Tiên	Lê Quý Đôn	***063	100417	D2.6	4.25	7.5	3.5
418	Hoồ Văn	Tiến	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***906	100418	D2.6	7.5	7.5	6.5
419	Trần Ngọc Khánh	Toàn		***564	100419	D2.6	0	1.75	2
420	Trịnh Ngọc Thanh	Trà	Nguyễn Tất Thành	***986	100420	D2.6	v	v	0
421	Nguyễn Ngọc Thùy	Trâm	Đăk Buk So	***727	100421	D1.3	1.5	1.5	3.5
422	Phan Ngọc Mai	Trâm	Nguyễn Trãi	***986	100422	D1.3	5	6	5.5
423	Trần Ngọc Bảo	Trâm	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***848	100423	D1.3	4.5	6	6
424	Phan Lê Quỳnh	Trâm		***	100424	D1.3	6.75	5	3.5
425	Lê Thị Ngọc	Trâm	Nguyễn Tất Thành	***979	100425	D1.3	2	2	5
426	Hoàng Quỳnh	Trâm		***197	100426	D1.3	4	6.5	4.5
427	Nguyễn Thái Bích	Trâm	Nguyễn Tất Thành	***999	100427	D1.3	6.25	4	6.5
428	Hoàng Đào Ngọc	Trâm	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***011	100428	D1.3	5.25	6	5
429	DĐặng Hồng Khánh	Trâm	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***576	100429	D1.3	v	v	0
430	Phạm Thị Bảo	Trân	Nguễn Bĩnh Khiêm	***848	100430	D1.3	v	v	0
431	Đặng Hà Bảo	Trân		***877	100431	D1.3	4.5	3	3
432	Bùi Bảo	Trân		***	100432	D1.3	5.25	6	5.5
433	Nguyễn Kiều	Trang	Nguyễn Công Trứ	***545	100433	D1.3	7.75	8.5	8
434	Nguyễn Phạm Kiều	Trang	Đăk Buk So	***620	100434	D1.3	6.5	5	9
435	Lương Quỳnh	Trang	Trần Phú	***043	100435	D1.3	5.5	v	3
436	Dương Thị Huyền	Trang	Lê Quý Đôn	***425	100436	D1.3	7	8	10
437	Phạm Quỳnh	Trang	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***559	100437	D1.3	6.75	7	8.5
438	Trần Vũ Bảo	Trang		***677	100438	D1.3	2.75	5.5	6
439	Trần Vũ Quỳnh	Trang		***389	100439	D1.3	5.25	8	4
440	Phạm Thị Huyền	Trang	Nguyễn Du	***693	100440	D1.3	6.25	1	5
441	Hà Thị Hoa	Tranh	Chu Văn An	***227	100441	D1.4	v	v	3
442	Hà Thị Hoa	Tranh	Chu Văn An	***086	100442	D1.4	2	5.75	0
443	Phạm Quang Minh	Trí		***609	100443	D1.4	6	5.75	4
444	Nguyễn thị Tuyết	Trinh	Trần Quốc Toản	***517	100444	D1.4	9	7.75	9
445	Nguyễn Đăng	Trình		***739	100445	D1.4	3	4.75	3.5
446	Nguyễn Hữu	Trọng		***	100446	D1.4	8	7.5	8
447	Trần Nguyễn Thanh	Trúc	Trần Phú	***222	100447	D1.4	8.25	6.5	5
448	Phan Triều Thủy	Trúc		***325	100448	D1.4	9	6.5	5
449	Lê Thanh Ngọc	Trúc		***760	100449	D1.4	7	4.75	5
450	Dđoàn Lê Thanh	Trúc	Nguyễn Du	***087	100450	D1.4	1.75	5	4
451	Nguyễn Thị Thanh	Trúc		***	100451	D1.4	7.5	6.75	5
452	Nguyễn Văn	Trung		***	100452	D1.4	5.25	6.25	5
453	Nguyễn Phi	Trường	Trần Hưng Đạo	***879	100453	D1.4	6.5	3.5	3
454	Huỳnh Nhật	Trường	Chu Văn An	***620	100454	D1.4	3.25	5.25	3
455	Nguyễn Văn	Trường	Lê Quý Đôn	***589	100455	D1.4	8	5	8.5
456	Nguyễn Tuấn Minh	Tú	Trần Phú	***809	100456	D1.4	5	2	3.5
457	Phạm Anh	Tú	Nguyễn Du	***898	100457	D1.4	5	6	6
458	Nguyễn Mạnh	Tú	Hoàng Văn Thụ	***607	100458	D1.4	9	5.25	5
459	Phạm Anh	Tuấn	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***617	100459	D1.4	v	v	0
460	Nguyễn Quốc	Tuấn	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***939	100460	D1.4	v	v	0

ĐIỂM KHẢO SÁT LỚP 9 LÊN 10 LẦN I

TT	HỌ VÀ TÊN		TRƯỜNG	SĐT	SBD	PHÒNG THI	TOÁN	VĂN	ANH
461	Nguyễn Minh	Tuệ	Đăk Buk So	***848	100461	D1.5	7.5	6.5	7
462	Khổng Phạm Khánh	Tùng	Nguễn Bĩnh Khiêm	***456	100462	D1.5	9	7.75	6
463	Nguyễn Mạnh	Tùng	Nguyễn Du	***269	100463	D1.5	4	6.75	5
464	Trần Tuấn	Tuú		***010	100464	D1.5	6.75	6.5	7
465	Nguyễn Trịnh Thanh	Tuyên	Trần Phú	***490	100465	D1.5	7.25	4	6
466	Nguyễn Lâm	Uyên	Trần Phú	***526	100466	D1.5	v	v	0
467	Võ Thị Tố	Uyên	Lê Quý Đôn	***997	100467	D1.5	4.5	6.75	8
468	Nguyễn Ngọc Tố	Uyên	Nguyễn Bĩnh Khiêm	***	100468	D1.5	6.75	4.25	7
469	Phạm Nguyễn Tố	Uyên		***	100469	D1.5	v	v	0
470	Phạm Thị Ngọc	Uyên	Trần Phú	***147	100470	D1.5	v	v	0
471	Hoàng	Uyên		***140	100471	D1.5	v	v	0
472	Nguyễn Thùy	Vân		***530	100472	D1.5	6.75	3.25	5.5
473	Trần Mai	Viên	Nguyễn Du	***281	100473	D1.5	5	6.5	4
474	Lê Quốc	Việt	Nguyễn Du	***157	100474	D1.5	7	3	5
475	Nguyễn Đình	Vinh		***	100475	D1.5	7.75	6	4
476	Đào Ngọc	Vũ		***660	100476	D1.5	1.5	0.75	2
477	Dương Thị	Vui	Phan Đình Giót	***014	100477	D1.5	4.5	5	3
478	Phạm Thị Hà	Vy	Nguyễn Du	***322	100478	D1.5	7.25	5.5	6
479	Nguyễn Võ Hà	Vy	Trần Phú	***561	100479	D1.5	v	v	0
480	Vũ Nguyễn Phương	Vy	Phan Đình Giót	***584	100480	D1.5	1.75	2.5	3.5
481	Hồ Phương	Vy	Nguyễn Du	***971	100481	D1.6	0	6	3
482	Lê Thảo	Vy	Lý Thường Kiệt	***223	100482	D1.6	8.5	7.5	6
483	Nguyễn Tường	Vy	Trần Phú	***748	100483	D1.6	4	4	3.5
484	Trần Nguyễn Khánh	Vy	Đăk Buk So	***840	100484	D1.6	6.5	v	9
485	Lê Tường	Vy		***646	100485	D1.6	6.5	6.5	5
486	Huỳnh Thị Thảo	Vy		***718	100486	D1.6	0	1.5	4.5
487	Lê Thị Thanh	Vy		***039	100487	D1.6	6.5	4.5	6
488	Vũ Thị Như	Ý	Lý Tự Trọng	***963	100488	D1.6	v	v	0
489	Trần Thị Như	Ý	Nguyễn Trãi	***081	100489	D1.6	5.75	5	4
490	Nguyễn Kiều Ngọc	Ý	Nguyễn Văn Trỗi	***	100490	D1.6	5	4.5	5.5
491	Triệu Hoàng	Yến	Ngô Quyền	***945	100491	D1.6	1.5	1	2
492	Bạch Thị Kim	Yến	Trần Phú	***838	100492	D1.6	0	7	4
493	Nguyễn Thị Bảo	Yến	Lê Quý Đôn	***101	100493	D1.6	7.25	4	8.5
494	Lê Hoàng Phương	Yến	Trần Phú	***848	100494	D1.6	6.5	5	5
495	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nguyễn Bỉnh Khiêm	***027	100495	D1.6	v	4.5	0
496	Nguyễn Thị Như	Yến		***139	100496	D1.6	5	6.5	2.5
497	Nghiêm Thị Hải	Yến	Lê Quý Đôn	***408	100497	D1.6	1.5	8	8
498	Trần Thị Hải	Yến		***008	100498	D1.6	v	v	0
499	Nguyễn Thị Cẩm	Tú		***	100499	HĐ	5	5.5	5.5
500	Đồng Thanh Tùng	Dương		***	100500	HĐ	8.75	3	5.5
501	Nguyễn Đăng	Hiếu		***	100501	HĐ	6.25	1.25	5.5
502	Trần Nam	Long		***	100502	HĐ	7.25	5.75	2.5
503	Đỗ Văn Hoàng	Bảo		***	100503	HĐ	8.75	8	7
504	Nguyễn An	Khôi		***	100504	HĐ	2.75	3.25	3
505	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy		***	100505	HĐ	8	5.5	5

ĐIỂM KHẢO SÁT LỚP 9 LÊN 10 LẦN I

TT	HỌ VÀ TÊN		TRƯỜNG	SĐT	SBD	PHÒNG THI	TOÁN	VĂN	ANH
506	Trương Lan	Anh		***	100506	HĐ	1.25	5.75	6.5
507	Nguyễn Thị Kim	Phương		***	100507	HĐ	7.5	6.5	6
508	Nguyễn Thị Lê	Na		***	100508	HĐ	6.5	7.75	5.5
509	Đặng Quang	Đức		***	100509	HĐ	5	3.5	3
510	Võ Tam Khôi	Nguyên		***	100510	HĐ	6	4.25	6
511	Nguyễn Tiến	Kỳ		***	100511	HĐ	5	6	8
512	Quyết Thị Hoài	Thu		***	100512	HĐ	1	4.5	3
513	Bùi Tấn	Hơn		***	100513	HĐ	1	5.25	5.5
514	Phạm Minh	Hoàng		***	100514	HĐ	5.5	4.5	4
515	Mai Bảo	Hân		***	100515	HĐ	3.25	7.25	5
516	Dương Lê Việt	Tú		***	100516	HĐ	6.5	8.25	8.5
517	Phạm Hoồng	Ngọc		***	100517	HĐ	5	3.25	4
518	Nguyễn Thị Hà	Ly		***	100518	HĐ	4	5.5	3
519	Nguyễn Trần Minh	Nguyệt		***	100519	HĐ	8.75	7.25	8.5
520	Trần Minh	Hiếu		***	100520	HĐ	6	5.5	4
521	Trương Thị Hải	Vân		***	100521	HĐ	2.75	3.25	4.5
522	Trần Bùi Thảo	Uyên		***	100522	HĐ	7	6.5	3.5
523	Nguyễn Đình Tuấn	Dũng		***	100523	HĐ	5	3.25	3.5
524	Phan Võ Thế	Anh		***	100524	HĐ	2.75	v	3